TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2019
V/v: Ly hôn giữa bà T và ông Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Xuân Tỵ.
2. Ông Cầm Văn Nam.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 428/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Nguyễn Kim T, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Số nhà 4/17 đường Phan Chu T, phường Lộc T, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Xuân Đ, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Số nhà 79/9/1 đường Nguyễn Tri P, phường Lộc T, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.
(Bà T và ông Đ đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2018, các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Nguyễn Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Xuân Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lộc T, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 10/3/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, ông Đ không chăm lo làm ăn, sống vô tâm không có trách nhiệm với vợ con, mọi công việc làm kinh tế trong gia đình đều do một mình bà T gánh vác dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 10/2018 cho đến nay, không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Đ, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hoàng Kim Kh, sinh ngày 01/01/2013. Hiện nay cháu K đang sống với ông Đ. Khi ly hôn bà đồng ý giao cháu K cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung bà và ông Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

Các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Xuân Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đặng Nguyễn Kim T có đăng ký kết hôn như bà T trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc bình thường cho đến cuối năm 2018 mới xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà T có hiểu lầm về chuyện tình cảm, một phần là do ông sống cũng vô tâm với vợ nên bà T thấy tủi thân. Từ tháng 10/2018 cho đến nay bà T đã chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay ông vẫn còn tình cảm với bà T và ông theo đạo Thiên Chúa Giáo nên ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như bà T trình bày là đúng. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu K sống cùng với ông. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông đề nghị được nuôi con chung là cháu K, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đ khai không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp thuận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Hoàng Xuân Đ; Giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà T và ông Đ tự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: các đương sự khai không có; Về án phí: Buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Nguyễn Kim T và ông Hoàng Xuân Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà T và ông Đ có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về cách làm ăn kinh tế, bản thân ông Đ sống thiếu quan tâm đến gia đình làm cho tình cảm vợ chồng không hạnh phúc. Ông Đ và bà T đều xác nhận từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tại phiên tòa bà T vẫn kiên quyết xin được ly hôn với ông Đ vì không còn tình cảm. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy vợ chồng bà T ông Đ mỗi người đã sống một nơi từ cuối năm 2018 cho đến nay, mặt khác ông Đ trình bày từ khi bà T chuyển ra ngoài sinh sống thì ông đã yêu cầu bà T quay về chung sống nhưng bà T không đồng ý. Như vậy, tình trạng hôn nhân của ông Đ và bà T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ.

[2]. Về con chung: Từ khi ông Đ và bà T sống ly thân thì cháu K vẫn sống cùng với ông Đ, cháu bé được ông Đ chăm sóc phát triển bình thường. Xét ý kiến của bà T cũng đồng ý giao con chung cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng nên giao con chung tên Hoàng Kim Kh, sinh ngày 01/01/2013 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung bà T và ông Đ tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Ông Đ và bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Ông Đ và bà T đều khai không có, trong quá trình giải quyết

vụ án không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[5]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 56, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đặng Nguyễn Kim T và ông Hoàng Xuân Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Kim Kh, sinh ngày 01/01/2013 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung ông Đ và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Ông Đ và bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Đ và bà T đều khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Đặng Nguyễn Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002744 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi

hành án dân sự.

Nơi nhận:
+ Các đương sự;
+ VKSND thành phố B;
+ T.H.A thành phố B;
+ TAND tỉnh Lâm Đồng;
+ UBND phường Lộc Tiến, thành phố B;
+ Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền